



CHỦ ĐỀ TIẾNG ANH

DA CHUYÊN ĐỀ 2: DANH ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU



ĐỀ ÔN TẬP

DANH ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU

Câu 1. [EMPIRE TEAM] After a long day of hiking, she was too exhausted _____ another trail the next morning.

- A. to explore B. explore C. exploring D. explores

Lời Giải:

Trong câu này, ta có cấu trúc "too" + adj + "to + base verb" nghĩa là quá ... đến nỗi mà không thể làm gì đó.

Đáp án đúng là A. "to explore", vì nó thể hiện rằng sau một ngày dài mệt mỏi, cô ấy không đủ sức để tiếp tục khám phá một con đường khác vào sáng hôm sau.

Chọn A

Câu 2. [EMPIRE TEAM] Although he had lived in the city for years, he never got used to _____ the noise from the busy streets every night.

- A. hear B. hearing C. having heard D. heard

Lời Giải:

Trong cấu trúc "get used to," động từ sau "to" phải ở dạng V-ing, vì vậy đáp án đúng là B.

Chọn B

Câu 3. [EMPIRE TEAM] People who regularly exercise often have a tendency _____ well at work.

- A. to perform B. to have performed
C. perform D. perfoming

Lời Giải:

Khi sử dụng cấu trúc "has a tendency + to V" (có xu hướng làm gì), động từ sau "tendency" phải ở dạng nguyên mẫu có "to" (to V).

Chọn A

Câu 4. [EMPIRE TEAM] During the workshop, the facilitator ensured that every participant would have a chance _____ their concerns and suggestions.

- A. express B. to express C. expressed D. expressing

Lời Giải:



Khi sử dụng cấu trúc "have a chance + to V" (có cơ hội làm gì), động từ sau "chance" phải ở dạng nguyên mẫu có "to" (to V).

Chọn B

Câu 5. [EMPIRE TEAM] Would you mind _____ the meeting room windows? It's getting stuffy in here, and a bit of fresh air would help.

A. to open **B.** open **C.** to opening **D.** opening

Lời Giải:

Cấu trúc: Would you mind doing sth? (Bạn có phiền làm gì không? - Dùng để nhờ người khác làm gì).

Chọn D

Câu 6. [EMPIRE TEAM] I am looking forward to _____ you after so many years apart.

A. having seen **B.** seeing **C.** to see **D.** see

Lời Giải:

Cấu trúc "look forward to" đi kèm với một động từ ở dạng V-ing, vậy đáp án đúng là B.

Chọn B

Câu 7. [EMPIRE TEAM] During long weekends, I thoroughly enjoy _____ a variety of activities without the usual constraints of a tight schedule.

A. to explore **B.** exploring **C.** explored **D.** explore

Lời Giải:

Trong câu này, sau động từ "enjoy," chúng ta cần một danh động từ (gerund) để diễn tả hành động mà người nói cảm thấy thú vị.

Cấu trúc: enjoy + V-ing.

Chọn B

Câu 8. [EMPIRE TEAM] The manager suggested _____ a comprehensive review of all the company's policies before the audit.

A. conduct **B.** to conduct **C.** conducting **D.** to conducting

Lời Giải:

Trong câu này, động từ "suggest" thường được theo sau bởi một danh động từ (gerund) để chỉ hành động được đề xuất. Do đó, cấu trúc "conducting" là lựa chọn đúng để chỉ hành động "conduct" cần được thực hiện.

Chọn C

Câu 9. [EMPIRE TEAM] How about _____ a coffee break before we start the meeting?

A. taking **B.** to take **C.** take **D.** taken

Lời Giải:

Khi sử dụng cấu trúc "How about," chúng ta thường theo sau với một danh động từ (gerund) để đề xuất hoặc gợi ý một hành động.



Chọn A

Câu 10. [EMPIRE TEAM] She couldn't remember ____ her old friend during the gala last year, despite their many past encounters.

A. having met

B. to meet

C. to have met

D. having been met

Lời Giải:

Trong câu này, cấu trúc "couldn't remember" đi kèm với dạng V-ing để chỉ việc không nhớ một hành động đã xảy ra trong quá khứ.

Đáp án đúng là A. "having met", vì nó cho thấy cô ấy không nhớ việc đã gặp bạn cũ của mình trong buổi gala năm ngoái, mặc dù họ đã gặp nhau nhiều lần trước đó.

Chọn A

Câu 11. [EMPIRE TEAM] Since relocating to this new city, I've become accustomed ____ early in the morning to avoid the rush hour traffic.

A. wake up

B. waking up

C. waking up

D. to waking up

Lời Giải:

Cấu trúc: Be accustomed to something / V-ing: quen với điều gì/việc gì.

Chọn D

Câu 12. [EMPIRE TEAM] She apologized to her colleague for ____ the meeting, which caused a significant delay in the project timeline.

A. missing

B. to miss

C. to missing

D. miss

Lời Giải:

Trong câu này, sau cụm từ "apologized for," ta cần sử dụng dạng V-ing để chỉ hành động mà người nói đã xin lỗi vì đã thực hiện.

Chọn A

Câu 13. [EMPIRE TEAM] Passengers are reminded ____ on the train due to safety regulations.

A. not to smoke

B. smoking

C. not smoking

D. to smoke

Lời Giải:

Trong câu này, cấu trúc "are reminded" yêu cầu một động từ theo sau nó. Cấu trúc đúng là "not to smoke" vì đây là cách diễn đạt phổ biến khi nhấn mạnh sự cấm đoán hoặc yêu cầu không thực hiện một hành động.

Đáp án đúng là A. "not to smoke," vì nó phù hợp với ngữ cảnh nhắc nhở về quy định cấm hút thuốc.

Chọn A

Câu 14. [EMPIRE TEAM] She deeply regrets ____ the customers that their order has been delayed due to unforeseen circumstances.



A. inform

B. informing

C. to inform

D. informed

Lời Giải:

Cấu trúc: regret to tell / inform you (rất tiếc phải nói / thông báo cho bạn).

Chọn C

Câu 15. [EMPIRE TEAM] After spending several hours outdoors without proper clothing, I ended up catching a severe flu from _____ in the cold wind.

A. stay

B. staying

C. stayed

D. to stay

Lời Giải:

Sau các giới từ, động từ ở dạng V-ing (trừ một số trường hợp ngoại lệ). Ta có cấu trúc: catch a N from V-ing.

Chọn B

Câu 16. [EMPIRE TEAM] I always make it a point to remember _____ off all the lights and double-check the doors before I leave my house in the morning.

A. turned

B. to turn

C. being turned

D. turning

Lời Giải:

Động từ "remember" đi kèm với động từ dạng V-ing khi nói về việc nhớ lại một hành động đã xảy ra trong quá khứ. Tuy nhiên, nếu "remember" được dùng với mục đích nói về việc không quên làm một việc gì đó ở tương lai, thì động từ đi kèm sẽ ở dạng nguyên thể có "to" (to-infinitive).

Trong trường hợp này, đúng là bạn không quên tắt đèn trước khi ra khỏi nhà, vậy đáp án đúng là B.

Chọn B

Câu 17. [EMPIRE TEAM] Do you consider _____ the new team members to the networking event next week?

A. inviting

B. invite

C. to be invited

D. to invite

Lời Giải:

Ta có cấu trúc "consider + V-ing" để chỉ hành động được xem xét hoặc cân nhắc.

Chọn A

Câu 18. [EMPIRE TEAM] Why did he avoid _____ the new clients during the conference?

A. to meet

B. to have met

C. being met

D. meeting

Lời Giải:

Ta có cấu trúc "avoid + V-ing" để chỉ hành động mà người nói cố gắng không thực hiện, tránh.

Chọn D

Câu 19. [EMPIRE TEAM] I completed the marathon without _____ for a break.

A. resting

B. rest

C. rested

D. rest





Lời Giải:

Sau "without" ta dùng danh từ hoặc danh động từ (gerund).

Chọn A

- Câu 20. [EMPIRE TEAM]** It is essential for every employee _____ their reports on time.
A. submit **B.** submitting **C.** to submit **D.** submits

Lời Giải:

Trong câu này, cụm từ "It is essential for" yêu cầu động từ theo sau là dạng nguyên mẫu có "to." Do đó, lựa chọn đúng là "to submit".

Cấu trúc: "It is + adj + for sb + to do sth".

Chọn C

- Câu 21. [EMPIRE TEAM]** The scientist emphasized the importance of _____ the new data before publishing the results.
A. analyze **B.** analyzing **C.** to analyze **D.** analyzed

Lời Giải:

Câu này yêu cầu một động từ theo sau cụm từ "the importance of," và trong trường hợp này, động từ cần phải ở dạng danh động từ (gerund) do đi sau giới từ "of". Cấu trúc đúng là "the importance of + V-ing".

Chọn B

- Câu 22. [EMPIRE TEAM]** Look carefully at the photograph. Can you see the spider _____ along the edge of the table?
A. crawl **B.** to crawl **C.** crawled **D.** crawling

Lời Giải:

Cấu trúc "see sb do sth": nhìn thấy ai làm gì (cả quá trình).

Cấu trúc "see sb doing sth": nhìn thấy ai làm gì (đang diễn ra, chỉ một phần của quá trình).

Ở đây tập trung vào thời điểm nói, khi ấy con nhện đang bò theo cạnh bàn, là một phần của quá trình, đang diễn ra lúc nói, nên ta dùng "V-ing".

Chọn D

- Câu 23. [EMPIRE TEAM]** All staff members are made _____ a minimum of 40 hours per week according to the new policy.
A. work **B.** working **C.** worked **D.** to work

Lời Giải:

Cấu trúc bị động với "make": be made to do sth (bị bắt phải làm gì).

Chọn D



Câu 24. [EMPIRE TEAM] Given the recent issues with his performance, I doubt he is competent enough _____ our upcoming project, which requires a high level of responsibility and expertise.

- A.** to manage **B.** managing **C.** manage **D.** to be managed

Lời Giải:

Ta có cấu trúc "tobe adj enough to do sth": đủ tính chất gì đó để làm gì đó. Do đó, lựa chọn đúng là "to manage."

Chọn A

Câu 25. [EMPIRE TEAM] While I was sorting through old letters, I accidentally caught him _____ my personal journal, which I had thought was safely hidden away.

- A.** to read **B.** reading **C.** read **D.** having read

Lời Giải:

Trong câu này, khi dùng "catch someone" với một hành động đang xảy ra (bắt gặp ai đang làm gì), ta cần sử dụng dạng động từ tiếp diễn (gerund). Do đó, lựa chọn đúng là "reading."

Chọn B

Câu 26. [EMPIRE TEAM] Given everything that has happened, it's no good _____ him the truth at this stage, as it will only make things worse.

- A.** to tell **B.** tell **C.** telling **D.** not to tell

Lời Giải:

Câu "It's no good" thường được theo sau bởi một danh động từ (gerund) để diễn tả rằng hành động đó không có ích hay không hiệu quả. Trong câu này, "telling" là dạng danh động từ đúng để điền vào chỗ trống, vì câu muốn nói rằng việc nói sự thật cho anh ta ở giai đoạn này là không có ích.

Chọn C

Câu 27. [EMPIRE TEAM] Remember _____ your important documents in a safe place before leaving the house, as losing them can cause a lot of trouble.

- A.** put **B.** to put **C.** putting **D.** puts

Lời Giải:

Cấu trúc "Remember to do sth": nhớ phải làm việc gì.

Chọn B

Câu 28. [EMPIRE TEAM] I strongly encourage you _____ a thorough analysis of the company's financial stability before making a final decision on accepting the job offer.

- A.** conduct **B.** to conduct **C.** conducting **D.** conducted

Lời Giải:

Ta có cấu trúc "encourage sb to do sth" để chỉ hành động ai đó khuyên người khác nên làm. Vì vậy, đáp án đúng là "to conduct".



Chọn B

- Câu 29.** [EMPIRE TEAM] It often requires several days of careful planning _____ a detailed research report for the annual conference.
A. to prepare **B.** prepare **C.** preparing **D.** prepares

Lời Giải:

Trong câu này, "requires several days" là cấu trúc chỉ thời gian cần thiết cho một hành động. Vì vậy, động từ phải đi kèm với "to" và động từ nguyên mẫu.

Đáp án đúng là A. "to prepare", vì nó phù hợp với cấu trúc "requires ... to + base verb" để chỉ sự cần thiết phải thực hiện một hành động.

Chọn A

- Câu 30.** [EMPIRE TEAM] Given the importance of the decision, I strongly recommend that you _____ all the relevant details and implications before making your final choice about the new job offer.
A. considering **B.** to consider
C. consider **D.** to be considered

Lời Giải:

Với cấu trúc "recommend + (that) + S + V nguyên mẫu", động từ theo sau "recommend" phải ở dạng nguyên mẫu. Đáp án đúng là C.

Chọn C

- Câu 31.** [EMPIRE TEAM] Could you please refrain from _____ so loudly during the meeting? Everyone can hear you just fine, and it's becoming quite distracting
A. to interrupt **B.** interrupting
C. to be interrupting **D.** interrupt

Lời Giải:

Trong câu này, sau "refrain from," động từ phải ở dạng V-ing. Đáp án đúng là B.

Chọn B

- Câu 32.** [EMPIRE TEAM] Despite the fact that the project was running behind schedule, the manager always allowed the team members _____ whenever they wanted _____ their progress.
A. taking / discussing **B.** to take / to discuss
C. to take / discussing **D.** taking / to discuss

Lời Giải:

Ta có cấu trúc "allow sb to do sth" và "want to do sth", do đó ta cần dùng hai dạng "to V" trong câu này.

Chọn B

- Câu 33.** [EMPIRE TEAM] She couldn't resist _____ out loud during the meeting when the speaker made an unexpected joke.



A. burst

B. to burst

C. bursting

D. bursts

Lời Giải:

Trong câu này, cấu trúc "couldn't resist" (không thể cưỡng lại) phải đi kèm với một động từ dạng V-ing để chỉ hành động mà người ta không thể ngăn bản thân làm. Vì vậy, đáp án đúng là "bursting".

Chọn C

Câu 34. [EMPIRE TEAM] He demands that everyone in the team _____ his decisions without question, yet he rarely takes their opinions into consideration.

A. follow

B. to follow

C. following

D. follows

Lời Giải:

Trong câu này, động từ "demands" (yêu cầu, đòi hỏi) đi kèm với mệnh đề giả định, yêu cầu động từ ở dạng nguyên thể mà không có "to". Vì vậy, đáp án đúng là "follow".

Chọn A

Câu 35. [EMPIRE TEAM] After years of working in different time zones, she has adapted to _____ late-night meetings as a part of her routine.

A. attend

B. attending

C. to attend

D. attended

Lời Giải:

Ta có cấu trúc "adapt to V-ing" để chỉ sự quen thuộc hoặc thích ứng với một hành động nào đó. Do đó, đáp án đúng là "attending".

Chọn B

Câu 36. [EMPIRE TEAM] Although I find it challenging to wake up at the crack of dawn every day, I don't mind _____ if it means I can get an early start on my tasks.

A. to get

B. getting

C. got

D. gotten

Lời Giải:

Trong câu này, "I don't mind" thường đi với dạng danh động từ (gerund) "getting." Vì vậy, đáp án chính xác là B.

Chọn B

Câu 37. [EMPIRE TEAM] In order to become fluent in a new language, it's essential to regularly practise _____ with native speakers as much as possible.

A. speaking

B. speak

C. spoke

D. spoken

Lời Giải:

Trong câu này, động từ "practise" thường đi kèm với danh động từ (gerund) "speaking." Do đó, đáp án chính xác là A. "speaking."

Chọn A

Câu 38. [EMPIRE TEAM] After the breakdown, we managed to get the technician _____ the system to ensure it was operational before the end of the day.

A. to repair

B. repairing

C. repair

D. repaired





Lời Giải:

Trong câu này, khi dùng cấu trúc "get sb to do something" (Sai ai, khiến ai, bảo ai làm gì), ta cần dùng động từ nguyên mẫu với "to." Do đó, đáp án chính xác là A. "to repair."

Chọn A

Câu 39. [EMPIRE TEAM] She can't tolerate _____ someone _____ on the phone for hours every day.

A. to hear / talk

B. hearing / talking

C. hear / talking

D. hearing / to talk

Lời Giải:

Trong câu này, sau động từ "tolerate," ta cần sử dụng dạng danh động từ (gerund) cho cả phần sau. Do đó, ta chọn "hearing" cho động từ chính và "talking" cho động từ tiếp theo.

Chọn B

Câu 40. [EMPIRE TEAM] We motivated her to keep _____ because we knew she would succeed in _____ a great chef.

A. striving / becoming

B. to strive / becoming

C. striving / to become

D. to strive / to become

Lời Giải:

Cấu trúc "keep (on) V-ing": tiếp tục làm điều gì đó.

Cấu trúc "succeed in V-ing": thành công làm điều gì đó.

Chọn A

Câu 41. [EMPIRE TEAM] I prefer _____ in the morning to _____ in the evening.

A. running / going for a swim

B. to run / going for a swim

C. run / to go for a swim

D. running / to go for a swim

Lời Giải:

Để diễn tả việc thích làm gì hơn làm gì, ta có thể sử dụng cấu trúc "prefer doing something to doing something else", do đó ở đây ta đều dùng dạng danh động từ cho cả hai vế.

Chọn A

Câu 42. [EMPIRE TEAM] The residents of the town vehemently objected to _____ additional tolls on the new highway.

A. be imposing

B. imposing

C. imposed

D. impose

Lời Giải:

Trong cấu trúc "object to" (phản đối), sau "object to" phải sử dụng động từ dạng danh động từ (gerund). Do đó, lựa chọn đúng là B.

Chọn B

Câu 43. [EMPIRE TEAM] _____ a balanced diet is crucial for overall health and well-being.

A. Maintain

B. Maintained



C. Maintaining

D. To not maintain

Lời Giải:

Trong câu này, "Maintaining" là dạng danh động từ (gerund) và là lựa chọn chính xác để thể hiện hành động cần thiết cho sức khỏe và sự khỏe mạnh tổng thể, đứng đầu câu đóng vai trò là chủ ngữ cho câu.

Chọn C

Câu 44. [EMPIRE TEAM] The new policy requires employees _____ to the office by 9 AM, but the manager insists they _____ promptly until they _____ all the reports for the quarterly review.

A. to arrive – work – complete

B. arriving – work – completed

C. to arrive – working – to complete

D. arriving – to work – complete

Lời Giải:

Trong câu này, "requires" được theo sau bởi động từ nguyên mẫu với "to," vì vậy "to arrive" là lựa chọn đúng. Cấu trúc "insists they" yêu cầu động từ nguyên mẫu không có "to," do đó "work" là đúng. Cuối cùng, "until" yêu cầu động từ ở dạng cơ bản, và do đó "complete" là sự lựa chọn phù hợp.

Chọn A

Câu 45. [EMPIRE TEAM] The journalist finally confessed to _____ the confidential documents during the investigation.

A. leaked

B. leak

C. being leaked

D. having leaked

Lời Giải:

Ta có cấu trúc "confess to V-ing" để chỉ hành động thú nhận đã làm điều gì đó. Cấu trúc "having leaked" được sử dụng để chỉ việc hành động "leaking" đã xảy ra trước thời điểm thừa nhận.

Chọn D

Câu 46. [EMPIRE TEAM] It's no use _____ about the difficulties you faced during the project; instead, focus on finding solutions and moving forward.

A. complaining

B. to complained

C. complained

D. complain

Lời Giải:

Cấu trúc "It's no use / It's no good + V-ing" diễn tả rằng hành động đó không có ích hoặc không có tác dụng.

Chọn A

Câu 47. [EMPIRE TEAM] After reviewing the feedback from last semester, the professors realized that the course syllabus is worth _____ to ensure it meets the current educational standards.

A. revising

B. revise

C. to revise

D. revised

Lời Giải:



Trong câu này, chúng ta cần một động từ dạng gerund (động từ thêm -ing) để đi với cấu trúc “worth + V-ing.” Đây là cách để chỉ rằng việc làm gì đó có giá trị hoặc đáng để thực hiện.

Đáp án đúng là “A. revising,” vì nó phù hợp với cấu trúc “worth + V-ing” để diễn tả việc chỉnh sửa chương trình học là điều có giá trị.

Chọn A

Câu 48. [EMPIRE TEAM] Given the feedback from the quality control department, the production line needs _____ to ensure that it meets the new safety regulations.

- A.** to update **B.** update **C.** updating **D.** updated

Lời Giải:

Khi sử dụng cấu trúc “needs + V-ing,” ta đang nói về một hành động mà cái gì đó cần được thực hiện. Trong câu này, chúng ta cần một động từ ở dạng gerund (V-ing) để chỉ sự cần thiết phải cập nhật dây chuyền sản xuất.

Chọn C

Câu 49. [EMPIRE TEAM] By the time the grand reopening ceremony takes place, the team expects _____ all the renovations and upgrades to ensure everything is perfect for the event.

- A.** to have finished **B.** having finished
C. finishing **D.** to be finished

Lời Giải:

Ta có cấu trúc “expect to V” (mong đợi làm điều gì đó).

Câu này yêu cầu một cụm từ thể hiện việc hoàn tất các công việc trước một sự kiện trong tương lai. Để thể hiện rằng công việc sẽ được hoàn tất trước thời điểm sự kiện, ta sử dụng thì hiện tại hoàn thành với “to have finished”.

Chọn A

Câu 50. [EMPIRE TEAM] Given how efficiently Mark handles every project, he is always the first one _____ the final report and submitting it before the deadline.

- A.** completing **B.** to complete **C.** completed **D.** complete

Lời Giải:

Cấu trúc: “be the first / second / third + to V”. Cấu trúc này thể hiện ai đó là người đầu tiên, thứ hai, thứ ba đạt được, làm được điều gì đó.

Chọn B